

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Phát	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Thuận	Thành viên
Bà Bùi Thị Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sáng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đỗ Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Nguyễn Xuân Phát - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Nguyễn Xuân Phát
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số: 81/2018/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/3/2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty thực hiện theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC về việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi thì số dự phòng trích lập là 2.897.333.270 VND. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, chỉ tiêu dự phòng phải thu khó đòi sẽ tăng thêm 2.897.333.270 VND, chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm đi là 237.478.841 VND và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi là 2.659.854.429 VND; trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng thêm 2.897.333.270 VND và chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi tương ứng, chỉ tiêu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm đi là 237.478.841 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0804-2018-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2986-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.084.826.687	25.627.184.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.501.085.330	6.275.916.822
1. Tiền	111	5	8.501.085.330	6.275.916.822
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.466.796.586	13.356.475.741
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.569.883.774	13.533.814.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.000.000	53.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	814.204.702	716.953.310
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(947.291.890)	(947.291.890)
III. Hàng tồn kho	140		2.096.712.480	4.593.800.845
1. Hàng tồn kho	141	10	2.096.712.480	4.593.800.845
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.232.291	1.400.991.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	-	91.089.128
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	232.869.562
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.1	20.232.291	1.077.032.387
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.178.117.161	39.060.347.923
I. Tài sản cố định	220		26.398.233.128	33.344.455.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	26.398.233.128	33.344.455.720
- Nguyên giá	222		65.596.760.198	66.103.350.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.198.527.070)	(32.758.895.134)
II. Bất động sản đầu tư	230	14	5.912.015.815	5.216.423.535
- Nguyên giá	231		6.095.093.333	5.317.049.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(183.077.518)	(100.626.142)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		533.382.010	499.468.668
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.1	800.000.000	800.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.2	(266.617.990)	(300.531.332)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.334.486.208	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	3.334.486.208	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		66.262.943.848	64.687.532.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.481.380.319	13.819.907.305
I. Nợ ngắn hạn	310		15.481.380.319	13.819.907.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.745.947.830	4.580.138.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		85.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.2	2.524.858.672	194.911.998
4. Phải trả người lao động	314		5.028.573.372	3.795.691.373
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	21.212.115	45.818.184
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.096.515.447	1.837.404.718
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		979.272.883	3.365.942.677
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.781.563.529	50.867.625.103
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	36.964.810.493	36.550.872.067
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		19	55.087.206	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	909.723.287	550.872.067
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			5.097.655	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		904.625.632	550.872.067
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.816.753.036	14.316.753.036
1. Nguồn kinh phí	431	20	5.708.313.000	6.208.313.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			8.108.440.036	8.108.440.036
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		66.262.943.848	64.687.532.408

Người lập biểu



Vũ Mạnh Trung

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ninh

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	67.296.568.096	22.320.876.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		67.296.568.096	22.320.876.746
4. Giá vốn hàng bán	11	22	63.381.733.996	17.142.690.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.914.834.100	5.178.186.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	29.839.599	27.729.507
7. Chi phí tài chính	22	24	(33.913.342)	300.531.332
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.387.468.702	4.122.206.365
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		591.118.339	783.178.493
11. Thu nhập khác	31	26	560.882.427	17.933.942
12. Chi phí khác	32	27	9.896.293	91.808.807
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		550.986.134	(73.874.865)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.142.104.473	709.303.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	237.478.841	158.431.561
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		904.625.632	550.872.067
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	251	138

Người lập biểu

Vũ Mạnh Trung

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ninh

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Từ 05/01/2016

đến 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.142.104.473	709.303.628
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	6.522.083.312	962.303.638
- Các khoản dự phòng	03	6,2,9	(33.913.342)	1.247.823.222
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(29.839.599)	(27.729.507)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.600.434.844	2.891.700.981
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.820.651.187)	555.673.049
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.497.088.365	(4.099.054.964)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.985.759.916	2.805.157.336
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.243.397.080)	144.729.420
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(175.095.949)	(130.801.901)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	6.321.717.460
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.941.757.000)	(1.947.263.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.902.381.909	6.541.857.540
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	13	(271.453.000)	(2.111.318.181)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	29.839.599	27.729.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(241.613.401)	(2.083.588.674)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(435.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(435.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		2.225.168.508	4.458.268.866
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.275.916.822	1.817.647.956
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	8.501.085.330	6.275.916.822

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc

Vũ Mạnh Trung

Bùi Thị Ninh

Đỗ Văn Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 225 Tân Hà, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Hải Phòng, được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200149102 ngày 01/01/2017 và thay đổi lần thứ tư ngày 12/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 36.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý luồng, hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa. Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình cầu vượt sông và các công trình đường thủy nội địa. Bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, quản lý biển báo hiệu giao thông đường thủy. Quản lý, khai thác, đảm bảo giao thông cầu phao, bến phà;
- Hoạt động cứu hộ đường sông. Nạo vét luồng lạch, thanh thải chướng ngại vật;
- Lắp đặt, quản lý cầu phao, phao tiêu báo hiệu;
- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình giao thông đường thủy: âu, kè. Xây dựng và cải tạo các công trình điện hạ thế, điện dân dụng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường thủy, kho bãi;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng;
- Sản xuất phao tiêu báo hiệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn xi măng;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn sơn, vecni;
- Bán buôn hàng kim khí;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu thủy, phà, xà lan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc của Công ty:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường	Khu Công nghiệp Lãm Hà - Phường Quán Trữ - Quận Kiến An - Hải Phòng	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết:

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường (chiếm 40% vốn điều lệ, tương ứng 800.000.000 VND) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, phí, lệ phí...

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính năm 2016 của bên nhận đầu tư chưa được kiểm toán.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: ký cược, ký quỹ và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi các khoản công nợ. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Số dư tại ngày 31/12/2017 của phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán là 3.819.370.260 VND, trong đó, các khoản phải thu quá hạn trên 36 tháng là 2.260.469.559 VND, các khoản phải thu quá hạn từ trên 24 tháng đến 36 tháng là 571.063.711 VND và các khoản phải thu quá hạn từ 12 tháng đến 24 tháng là 65.800.000 VND. Ban Giám đốc cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện tại, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, mặc dù chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện các dịch vụ về điều tiết giao thông đường thủy, đến thời điểm 31/12/2017, các dịch vụ này đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu và xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

Tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2017 <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 25

Tài sản khác là tài sản cố định thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy, đường bộ, không phục vụ mục đích kinh doanh, không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và Công ty quản lý, theo dõi, hạch toán trên sổ sách kế toán cho đến khi bàn giao cho sở quản lý chuyên ngành theo Quyết định số 1406/2016/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Công ty không tính hao mòn cho các tài sản này.

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và nhà nghỉ tại Khu 4, Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải, Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao, nhà nghỉ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 12 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm: chi phí sửa chữa tàu, phà và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng.

- Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 18 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí sửa chữa phà được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng kể từ khi phát sinh.
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về cổ phần hóa và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê điểm bán hàng tại bến phà, được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2017.

4.12 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.13 Giá vốn

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và chi phí nghiệp vụ cho thuê tài sản hoạt động trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là hoàn nhập dự phòng tổn thất khoản đầu tư được trích lập theo quy định như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.16 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.18 Bên liên quan

Công ty góp 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, công ty này được coi là bên liên quan (công ty liên kết) của Công ty.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6 và 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	94.351.781	203.786.282
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.406.733.549	6.072.130.540
Cộng	8.501.085.330	6.275.916.822

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2017			01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	800.000.000	266.617.990	533.382.010	800.000.000	300.531.332	499.468.668

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường	40	40	40	2.000.000.000	800.000.000	266.617.990	533.382.010
Cộng				2.000.000.000	800.000.000	266.617.990	533.382.010

6.2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	(300.531.332)	-
Trích lập dự phòng	-	(300.531.332)
Hoàn nhập dự phòng	33.913.342	-
Số dư cuối năm	(266.617.990)	(300.531.332)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	19.569.883.774	13.533.814.321
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	12.724.876.804	8.888.543.996
Sở Giao thông vận tải Thành phố Hải Phòng	8.685.458.122	5.691.678.996
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 8	1.998.804.682	1.156.251.000
Đoạn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam	2.040.614.000	2.040.614.000
Các khoản phải thu của khách hàng khác	6.845.006.970	4.645.270.325

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
	Giá trị	Giá trị
Ngắn hạn	814.204.702	716.953.310
Ký cược, ký quỹ	598.208.500	707.341.800
Phải thu khác	215.996.202	9.611.510

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(947.291.890)	-
Trích lập dự phòng	-	(947.291.890)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	(947.291.890)	(947.291.890)
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(947.291.890)	(947.291.890)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
	Giá gốc	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	470.751.214	613.670.320
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.625.961.266	829.221.434
Hàng hoá	-	3.150.909.091
Cộng	2.096.712.480	4.593.800.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

11. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.328.200.260	3.380.908.370	4.378.200.260	3.430.908.370
Đoạn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam	2.040.614.000	1.691.669.006	2.040.614.000	1.691.669.006
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	2.040.614.000	1.691.669.006	2.040.614.000	1.691.669.006
Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	562.283.000	466.132.436	562.283.000	466.132.436
Thời gian quá hạn: trên 02 năm, dưới 03 năm	562.283.000	466.132.436	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	562.283.000	466.132.436	-	-
Thời gian quá hạn: trên 01 năm, dưới 02 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	562.283.000	466.132.436	562.283.000	466.132.436
Công ty CP Cầu 11 Thăng Long	526.539.260	481.520.153	526.539.260	481.520.153
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	526.539.260	481.520.153	526.539.260	481.520.153
Công ty CP Xây dựng VINASHIN	413.320.000	-	413.320.000	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	413.320.000	-	413.320.000	-
Các đối tượng khác	785.444.000	741.586.775	835.444.000	791.586.775
Thời gian quá hạn: trên 06 tháng, dưới 01 năm	-	-	200.000.000	165.800.000
Thời gian quá hạn: trên 01 năm, dưới 02 năm	200.000.000	165.800.000	397.934.000	392.996.375
Thời gian quá hạn: trên 02 năm, dưới 02 năm	397.934.000	392.996.375		
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	187.510.000	182.790.400	237.510.000	232.790.400

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
12.1 Ngắn hạn	-	91.089.128
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	59.510.047
Thuế giá trị gia tăng chưa đủ điều kiện khấu trừ	-	31.579.081
12.2 Dài hạn	3.334.486.208	-
Chi phí sửa chữa tàu	43.672.727	-
Chi phí sửa chữa phà	3.263.688.482	-
Công cụ, dụng cụ	27.124.999	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀM BẢO
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
MẪU SỐ B09 - DN						
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	9.431.986.642	213.584.672	44.413.813.813	-	12.043.965.727	66.103.350.854
Tăng trong năm	-	-	225.453.000	46.000.000	-	271.453.000
Mua sắm	-	-	225.453.000	46.000.000	-	271.453.000
Giảm trong năm	778.043.656	-	-	-	-	778.043.656
Chuyển sang BĐS đầu tư	778.043.656	-	-	-	-	778.043.656
Tại ngày 31/12/2017	8.653.942.986	213.584.672	44.639.266.813	46.000.000	12.043.965.727	65.596.760.198
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2017	4.223.152.050	87.161.009	24.513.056.386	-	3.935.525.689	32.758.895.134
Tăng trong năm	437.338.764	44.628.681	5.953.831.157	3.833.334	-	6.439.631.936
Khấu hao trong năm	437.338.764	44.628.681	5.953.831.157	3.833.334	-	6.439.631.936
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2017	4.660.490.814	131.789.690	30.466.887.543	3.833.334	3.935.525.689	39.198.527.070
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	5.208.834.592	126.423.663	19.900.757.427	-	8.108.440.038	33.344.455.720
Số dư tại 31/12/2017	3.993.452.172	81.794.982	14.172.379.270	42.166.666	8.108.440.038	26.398.233.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND Số cuối năm
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ				
Nguyên giá	5.317.049.677	778.043.656	-	6.095.093.333
Quyền sử dụng đất	4.033.809.000	-	-	4.033.809.000
Nhà	1.283.240.677	778.043.656	-	2.061.284.333
Giá trị hao mòn lũy kế	100.626.142	82.451.376	-	183.077.518
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	100.626.142	82.451.376	-	183.077.518
Giá trị còn lại	5.216.423.535			5.912.015.815
Quyền sử dụng đất	4.033.809.000			4.033.809.000
Nhà	1.182.614.535			1.878.206.815

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	5.745.947.830	4.580.138.355
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.907.366.630	1.694.416.530
Công ty CP Quản lý đường sông số 8	1.157.016.630	1.474.086.530
Công ty Cổ phần Đảm bảo an toàn đường thủy Mạnh Hưng	1.139.300.000	220.330.000
Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	929.000.000	-
Công ty CP OSHICO	682.050.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.838.581.200	2.885.721.825

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	(1.060.928.169)	3.328.491.951	-	2.267.563.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.911.998	237.478.841	175.095.949	257.294.890
Thuế thu nhập cá nhân	(16.104.218)	12.861.933	16.990.006	(20.232.291)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	175.188.460	175.188.460	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(882.120.389)	3.757.021.185	370.274.415	2.504.626.381
<i>Trong đó:</i>				
16.1 Phải thu	1.077.032.387			20.232.291
16.2 Phải nộp	194.911.998			2.524.858.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	21.212.115	45.818.184
Doanh thu nhận trước về cho thuê điểm bán hàng	21.212.115	45.818.184

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	1.096.515.447	1.837.404.718
Kinh phí công đoàn	-	106.859.892
Bảo hiểm xã hội	-	467.633.296
Bảo hiểm y tế	-	81.106.635
Bảo hiểm thất nghiệp	-	35.971.723
Phải trả về cổ phần hóa	520.802.259	594.110.783
Các khoản phải trả, phải nộp khác	575.713.188	551.722.389

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	36.000.000.000	-	550.872.067	36.550.872.067
Tăng trong năm	-	55.087.206	904.625.632	959.712.838
Lãi trong năm	-	-	904.625.632	904.625.632
Phân phối trong năm	-	55.087.206	-	55.087.206
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	545.774.412	545.774.412
Phân phối trong năm	-	-	545.774.412	545.774.412
Số cuối năm	36.000.000.000	55.087.206	909.723.287	36.964.810.493

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của Nhà nước	23.400.000.000	23.400.000.000	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TÚC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tại 01/01/2017	36.000.000.000	36.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12/2017	36.000.000.000	36.000.000.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tại 01/01/2017	550.872.067	-
Tăng trong năm	904.625.632	550.872.067
Lợi nhuận trong năm	904.625.632	550.872.067
Giảm trong năm	545.774.412	-
Chia cổ tức	435.600.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	55.087.206	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	55.087.206	-
Tại 31/12/2017	909.723.287	550.872.067
c. Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	6.208.313.000	(1.580.261.378)
Thu từ vé phà và ngân sách cấp	-	38.498.504.000
Chi sự nghiệp	-	30.036.206.292
Điều chỉnh theo Biên bản thẩm tra BCTC ngày 11/10/2017		512.819.489
Nộp lại Nhà nước	500.000.000	160.903.841
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	5.708.313.000	6.208.313.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông, hoạt động dịch vụ sử dụng phà	63.966.395.369	22.184.513.110
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	136.363.636	136.363.636
Doanh thu bán hàng hóa	3.193.809.091	-
Cộng	67.296.568.096	22.320.876.746

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông, hoạt động dịch vụ sử dụng phà	60.148.373.529	17.060.238.687
Giá vốn cho thuê tài sản hoạt động	82.451.376	82.451.376
Giá vốn hàng hóa	3.150.909.091	-
Cộng	63.381.733.996	17.142.690.063

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.839.599	27.729.507
Cộng	29.839.599	27.729.507

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Hoàn nhập tổn thất đầu tư	(33.913.342)	300.531.332
Cộng	(33.913.342)	300.531.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.065.083.934	947.291.890
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.322.384.768	3.174.914.475
Cộng	3.387.468.702	4.122.206.365

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Xử lý khoản công nợ phải trả không có đối tượng	482.791.901	13.839.090
Các khoản khác	78.090.526	4.094.852
Cộng	560.882.427	17.933.942

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế	1.335.273	22.854.179
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	60.470.183
Các khoản khác	8.561.020	8.484.445
Cộng	9.896.293	91.808.807

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.945.314.024	1.824.613.018
Chi phí nhân công	29.472.411.052	12.674.794.362
Chi phí khấu hao	6.522.083.312	962.303.638
Chi phí dự phòng	-	947.291.890
Chi phí khác	15.475.225.051	5.685.114.954
Cộng	64.415.033.439	22.094.117.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	1.142.104.473	709.303.628
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	45.289.733	82.854.179
Phạt vi phạm hành chính về thuế	1.489.733	22.854.179
Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	43.800.000	60.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	1.187.394.206	792.157.807
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	237.478.841	158.431.561

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	904.625.632	550.872.067
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	55.087.206
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	904.625.632	495.784.861
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	251	138

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày năm tài chính tại ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	8.501.085.330	6.275.916.822
Phải thu của khách hàng	18.622.591.884	12.586.522.431
Phải thu khác	814.204.702	707.341.800
Cộng	27.937.881.916	19.569.781.053
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	5.745.947.830	4.580.138.355
Phải trả khác	1.096.515.447	1.145.833.172
Cộng	6.842.463.277	5.725.971.527

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• Rủi ro thị trường

- *Rủi ro tiền tệ:* Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì không có giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ.
- *Rủi ro lãi suất:* Công ty không chịu rủi ro lãi suất vì không có các khoản vay và nợ phải chịu lãi.

• Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính quá hạn		
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	200.000.000	200.000.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	960.217.000	960.217.000
Quá hạn từ 03 năm trở lên	3.217.983.260	3.217.983.260
Cộng	4.378.200.260	4.378.200.260

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản công nợ. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng Ban Giám đốc xác định có thể thu hồi dần được thì Công ty không trích lập dự phòng. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2017		
Phải trả người bán	5.745.947.830	-
Phải trả khác	1.096.515.447	-
Cộng	6.842.463.277	-
Tại 01/01/2017		
Phải trả người bán	4.580.138.355	-
Phải trả khác	1.145.833.172	-
Cộng	5.725.971.527	-

- **Đo lường theo giá trị hợp lý**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

33. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	944.792.514	570.976.599
Thu nhập Ban Giám đốc	699.975.426	422.143.340
Giám đốc	279.672.638	165.079.682
Phó Giám đốc	420.302.788	257.063.658

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 bộ phận hoạt động: bộ phận duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông, hoạt động dịch vụ sử dụng phà; bộ phận cho thuê tài sản hoạt động.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2017

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2017

			Đơn vị tính: VND
	Duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông, hoạt động dịch vụ sử dụng phà	Cho thuê tài sản hoạt động	Cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	60.350.928.033	5.912.015.815	66.262.943.848
Tài sản không phân bổ			-
Cộng			66.262.943.848
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	15.460.168.204	21.212.115	15.481.380.319
Nợ phải trả không phân bổ			-
Cộng			15.481.380.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông, hoạt động dịch vụ sử dụng phà	Cho thuê tài sản hoạt động	Cộng
Doanh thu thuần	67.160.204.460	136.363.636	67.296.568.096
Giá vốn hàng bán	63.299.282.620	82.451.376	63.381.733.996
Chi phí không phân bổ			3.387.468.702
Doanh thu hoạt động tài chính			29.839.599
Chi phí tài chính			(33.913.342)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			591.118.339
Lãi (lỗ) khác			550.986.134
Lợi nhuận trước thuế			1.142.104.473
Chi phí thuế TNDN			237.478.841
Lợi nhuận sau thuế			904.625.632

Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Từ ngày 05/01/2016 đến 31/12/2016

Bảng cân đối kế toán tại 01/01/2017

Đơn vị tính: VND

	Duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông	Cho thuê tài sản hoạt động	Cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	59.471.108.873	5.216.423.535	64.687.532.408
Tài sản không phân bổ			-
Cộng			64.687.532.408
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	13.774.089.121	45.818.184	13.819.907.305
Nợ phải trả không phân bổ			-
Cộng			13.819.907.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

	Duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông	Cho thuê tài sản hoạt động	Cộng
Doanh thu thuần	22.184.513.110	136.363.636	22.320.876.746
Giá vốn hàng bán	17.060.238.687	82.451.376	17.142.690.063
Chi phí không phân bổ			4.122.206.365
Doanh thu hoạt động tài chính			27.729.507
Chi phí tài chính			300.531.332
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			783.178.493
Lãi (lỗ) khác			(73.874.865)
Lợi nhuận trước thuế			709.303.628
Chi phí thuế TNDN			158.431.561
Lợi nhuận sau thuế			550.872.067

Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và các thuyết minh liên quan tại ngày 01/01/2017 của báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được điều chỉnh theo Biên bản bàn giao Công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần, Kết luận Thanh tra tài chính số 30/STC-TTr ngày 23/8/2017 và Biên bản thẩm tra báo cáo tài chính giai đoạn chuyển đổi doanh nghiệp (từ ngày 01/04/2014 đến ngày 04/01/2016) ngày 11/10/2017. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh tăng (giảm)	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình	221	19.950.585.226	13.393.870.494	33.344.455.720
Nguyên giá	222	54.059.385.127	12.043.965.727	66.103.350.854
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(34.108.799.901)	1.349.904.767	(32.758.895.134)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	183.592.998	11.319.000	194.911.998
Phải trả người lao động	314	3.831.942.399	(36.251.026)	3.795.691.373
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.354.612.817	482.791.901	1.837.404.718
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	3.163.519.024	202.423.653	3.365.942.677
Nguồn kinh phí	431	1.583.166.070	4.625.146.930	6.208.313.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	8.108.440.036	8.108.440.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty không lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến 31/12/2016 nên không có số liệu so sánh cùng kỳ tương ứng.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Mạnh Trung

Bùi Thị Ninh

Đỗ Văn Thuận



Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng
Số 225 Tân Hà, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Hải Phòng

Số: 22/2018

THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN QUẢN TRỊ

Kính gửi: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp về:

Báo cáo tài chính

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán số 83/2016/HĐ-AV3-TC ngày 28/12/2016, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý trong việc trình bày báo cáo tài chính.
- (3) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (4) Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (nếu có), cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, đều đã được điều chỉnh và thuyết minh trên báo cáo tài chính.
- (5) Ảnh hưởng của các sai sót chưa được điều chỉnh của khoản dự phòng phải thu khó đòi số tiền 2.897.333.270 VND, xét riêng lẻ hay tổng hợp lại là ảnh hưởng trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- (6) Việc lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán trong việc lập báo cáo tài chính là phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (7) Các vấn đề sau đây đã được ghi nhận, đánh giá, trình bày hoặc thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính:
 - Công ty không có kế hoạch hay dự tính nào có thể ảnh hưởng tới giá trị ghi sổ hay việc phân loại tài sản, nợ phải trả;
 - Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ;
 - Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi các khoản công nợ. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng Ban Giám đốc xác định có thể thu hồi dần được thì Công ty không trích lập dự phòng. Ban Giám đốc cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện tại, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, mặc dù chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính;

- Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính được trích lập trên cơ sở các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính;
 - Công ty là chủ sở hữu của tất cả các tài sản trên báo cáo tài chính và không có bất kỳ một tài sản nào đang được cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ;
 - Tài sản khác là tài sản cố định thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy, đường bộ, không phục vụ mục đích kinh doanh, không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và Công ty quản lý, theo dõi, hạch toán trên sổ sách kế toán cho đến khi bàn giao cho sở quản lý chuyên ngành theo Quyết định số 1406/2016/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Công ty không tính hao mòn cho các tài sản này;
 - Công ty đã tuân thủ mọi điều khoản của các hợp đồng mà hành vi vi phạm hợp đồng sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (8) Các công cụ tài chính đã được ghi nhận, đánh giá, trình bày hoặc thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính.
 - (9) Doanh thu, chi phí, kết quả, tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh đã được Công ty ghi nhận, đánh giá, trình bày hoặc thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính.
 - (10) Công ty không có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng. Ngoài ra, chúng tôi không nhận được bất kỳ thông tin nào của cơ quan thuế, cả bằng lời và văn bản, khác với đánh giá trên của chúng tôi.
 - (11) Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục đánh giá tính chính xác và đầy đủ của các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính của chúng tôi.
 - (12) Công ty không có bất kỳ một vụ tranh chấp, kiện tụng phát sinh cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Thông tin cung cấp

- (1) Chúng tôi đã cung cấp cho Kiểm toán viên:
 - Quyền tiếp cận với tất cả sổ kế toán, tài liệu, chứng từ kế toán và các thông tin khác (bao gồm nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc) mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà Kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong Công ty chúng tôi mà Kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán.
- (2) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- (3) Chúng tôi đánh giá không có rủi ro liên quan đến việc các thông tin trên báo cáo tài chính có thể bị trình bày sai lệch trọng yếu do hành vi gian lận.
- (4) Chúng tôi không phát hiện được bất kỳ gian lận nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty chúng tôi liên quan đến:
 - Ban Giám đốc;
 - Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc
 - Các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (5) Chúng tôi không nhận được bất kỳ thông tin nào về các hành vi gian lận đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty chúng tôi phản ánh từ các nhân viên đương nhiệm, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.



- (6) Chúng tôi không có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (7) Chúng tôi đã công bố cho Kiểm toán viên danh tính của các bên liên quan của Công ty chúng tôi và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Mỗi quan hệ, nghiệp vụ, số dư trọng yếu và chính sách giá (nếu có) với bên liên quan đã được thuyết minh đầy đủ trên báo cáo tài chính.

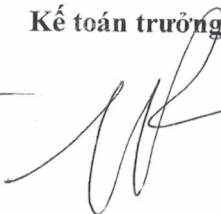
Trân trọng,

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thuận

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ninh

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Xuân Phát

